

又 + 形容词 + 又 + 形容词

Đúc kết công thức

(1) 她的房间又干净又舒服。

Tā de fángjiān yòu gānjìng yòu shūfu.

(2) 我的妹妹又聪明又可爱。

Wǒ de mèimei yòu cōngmíng yòu kě'ài.

(3) 这个西瓜又大又甜。

Zhège xīguā yòu dà yòu tián. .